

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THÔNG TƯ**

**Hướng dẫn đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại**

Thông tư số 09/2006/TT-BTM ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Thương mại hướng dẫn đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại, có hiệu lực kể từ ngày 22 tháng 6 năm 2006 được sửa đổi, bổ sung bởi:

1. Thông tư số 04/2016/TT-BCT ngày 06 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2016.

2. Thông tư số 03/2024/TT-BCT ngày 30 tháng 01 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Công Thương sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

*Căn cứ Nghị định số 29/2004/NĐ-CP ngày 16 tháng 1 năm 2004 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ thương mại;*

*Căn cứ Nghị định số 35/2006/NĐ-CP ngày 31 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại về hoạt động nhượng quyền thương mại (sau đây gọi tắt là Nghị định số 35/2006/NĐ-CP),*

*Bộ thương mại hướng dẫn đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại quy định tại Nghị định số 35/2006/NĐ-CP như sau.<sup>1</sup>*

---

<sup>1</sup> Thông tư số 04/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Nghị định số 95/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2012 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Thực hiện Chỉ thị số 17/CT-TTg ngày 20 tháng 6 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ về một số biện pháp chấn chỉnh tình trạng lạm dụng yêu cầu nộp bản sao có chứng thực đối với giấy tờ, văn bản khi thực hiện thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Pháp chế.”*

## I. CƠ QUAN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI

1. Bộ Công Thương<sup>2</sup> là cơ quan đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại (sau đây gọi tắt là cơ quan đăng ký) trong các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 18 của Nghị định số 35/2006/NĐ-CP .

2.<sup>3</sup> (được bãi bỏ).

3. Trách nhiệm của cơ quan đăng ký

a) Niêm yết công khai tại trụ sở làm việc các hướng dẫn về điều kiện, trình tự, thời gian và các thủ tục hành chính đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại;

b) Đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại của thương nhân khi hồ sơ của thương nhân đáp ứng đủ các điều kiện quy định tại Điều 19 của Nghị định số 35/2006/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này;

c) Đảm bảo thời gian đăng ký theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 35/2006/NĐ-CP và hướng dẫn tại Thông tư này;

d)<sup>4</sup> (được bãi bỏ);

---

Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài có căn cứ ban hành như sau:

*“Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Đầu tư ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 31/2021/NĐ-CP ngày 26 tháng 3 năm 2021 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đầu tư;*

*Căn cứ Nghị định số 120/2011/NĐ-CP ngày 16 tháng 12 năm 2011 sửa đổi, bổ sung thủ tục hành chính tại một số Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết Luật Thương mại;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Nghị định số 96/2022/NĐ-CP ngày 29 tháng 11 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công Thương;*

*Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Kế hoạch - Tài chính;”*

<sup>2</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>3</sup> Mục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>4</sup> Khoản này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động

đ) Đưa và cập nhật thông tin về tình hình đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại của thương nhân lên trang thông tin điện tử (website) của Bộ Công Thương<sup>5</sup> trong vòng 05 ngày làm việc kể từ ngày đăng ký, xóa đăng ký, chuyển đăng ký hoặc từ ngày nhận được thông báo của thương nhân về việc thay đổi thông tin đăng ký trong hoạt động nhượng quyền thương mại;

e) Thực hiện đầy đủ các chế độ lưu trữ hồ sơ đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại theo quy định của pháp luật về lưu trữ;

g) Kiểm tra, kiểm soát hoạt động nhượng quyền thương mại theo thẩm quyền và thực hiện xóa đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại trong những trường hợp được quy định tại Điều 22 của Nghị định số 35/2006/NĐ-CP;

h) Các trách nhiệm khác theo quy định của pháp luật.

## **II. THỦ TỤC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI**

1. Trước khi tiến hành hoạt động nhượng quyền thương mại, thương nhân dự kiến nhượng quyền, bao gồm cả dự kiến nhượng quyền ban đầu và dự kiến nhượng quyền thứ cấp, phải đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại với cơ quan có thẩm quyền theo quy định tại Nghị định số 35/2006/NĐ-CP và theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2. Hồ sơ đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại tại Bộ Công Thương<sup>6</sup> bao gồm:

a) Đơn đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại theo mẫu MĐ-1 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Bản giới thiệu về nhượng quyền thương mại theo mẫu tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu.

Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan, tổ chức có quyền lựa chọn nộp một trong ba hình thức bản sao trên<sup>7</sup> Giấy chứng nhận

---

liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024

<sup>5</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>6</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>7</sup> Cụm từ “Bản sao có công chứng” được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 04/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua

đăng ký kinh doanh hoặc Giấy chứng nhận đầu tư trong trường hợp nhượng quyền thương mại từ Việt Nam ra nước ngoài; bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài được cơ quan có thẩm quyền nơi thương nhân nước ngoài thành lập xác nhận trong trường hợp nhượng quyền thương mại từ nước ngoài vào Việt nam

d) Bản sao từ sổ gốc hoặc bản sao có chứng thực hoặc bản sao xuất trình kèm bản chính để đối chiếu.

Cá nhân, tổ chức trực tiếp thực hiện thủ tục hành chính tại cơ quan, tổ chức có quyền lựa chọn nộp một trong ba hình thức bản sao trên<sup>8</sup> văn bằng bảo hộ quyền sở hữu công nghiệp tại Việt Nam hoặc tại nước ngoài trong trường hợp có chuyển giao quyền sử dụng các đối tượng sở hữu công nghiệp đã được cấp văn bằng bảo hộ;

đ) Giấy tờ chứng minh sự chấp thuận về việc cho phép nhượng quyền lại của bên nhượng quyền ban đầu trong trường hợp thương nhân đăng ký hoạt động nhượng quyền là bên nhượng quyền thứ cấp;

### 3.<sup>9</sup> (được bãi bỏ).

4. Trong trường hợp giấy tờ tại điểm b, điểm d, điểm đ khoản 2 và khoản 3 Mục này được thể hiện bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và được công chứng bởi cơ quan công chứng trong nước. Trường hợp bản sao Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy tờ có giá trị tương đương của thương nhân nước ngoài tại điểm c khoản 2 Mục này được thể hiện bằng tiếng nước ngoài thì phải được dịch ra tiếng Việt và được cơ quan đại diện ngoại giao của Việt Nam ở nước ngoài chứng nhận và thực hiện việc hợp pháp hóa lãnh sự theo quy định của pháp luật Việt Nam.

### 5. Tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại

a) Khi tiếp nhận hồ sơ đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại cơ quan đăng ký phải ghi giấy biên nhận. Giấy biên nhận hồ sơ được lập thành 03 liên theo mẫu TB-1A tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, 01 liên giao cho thương nhân đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại và 02 liên lưu tại cơ quan đăng ký;

---

bán hàng hóa qua Sờ giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2016.

<sup>8</sup> Cụm từ “Bản sao có công chứng” được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại Điều 6 của Thông tư số 04/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua Sờ giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2016.

<sup>9</sup> Mục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

b) Đối với hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ, trong thời gian tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, cơ quan đăng ký phải thông báo bằng văn bản, theo mẫu TB-2A tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này, cho thương nhân nộp hồ sơ để yêu cầu bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ. Thời hạn xử lý hồ sơ được tính từ thời điểm thương nhân đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại bổ sung hồ sơ đầy đủ;

c) Thương nhân đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại có quyền đề nghị cơ quan đăng ký giải thích rõ những yêu cầu cần bổ sung và hoàn chỉnh hồ sơ. Cơ quan đăng ký có trách nhiệm trả lời đề nghị đó của thương nhân.

6. Đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại vào Sổ đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại

a) Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký có trách nhiệm đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại của thương nhân vào Sổ đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại theo mẫu S1 và thông báo cho thương nhân biết bằng văn bản theo mẫu TB-3A tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

b) Trường hợp từ chối đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại, trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan đăng ký phải thông báo bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do từ chối theo mẫu TB-4A tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này;

c) Cơ quan đăng ký ghi mã số đăng ký trong Sổ đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại theo hướng dẫn như sau:

+ Mã số hình thức nhượng quyền: NQR là nhượng quyền từ Việt Nam ra nước ngoài, NQV là nhượng quyền từ nước ngoài vào Việt Nam, NQTN là nhượng quyền trong nước.

+<sup>10</sup> (được bãi bỏ).

+ Mã số thứ tự của doanh nghiệp: 6 ký tự, từ 000001 đến 999999.

+ Các mã số được viết cách nhau bằng dấu gạch ngang.

Ví dụ về ghi Sổ đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại:

+ Công ty A (đăng ký kinh doanh tại Hà Nội) là thương nhân thứ 3 đăng ký hoạt động nhượng quyền trong nước được ghi mã số đăng ký như sau: NQTN-01-000003.

+ Công ty B (đăng ký kinh doanh tại tỉnh Bình Dương) là thương nhân đầu tiên đăng ký hoạt động nhượng quyền ra nước ngoài được ghi mã số đăng ký như sau: NQR-46-000001.

<sup>10</sup> Quy định về mã số tỉnh tại khoản c Mục 6 Phần II được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

7.<sup>11</sup> (được bãi bỏ).

8.<sup>12</sup> (được bãi bỏ).

### III. THÔNG BÁO THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ TRONG HOẠT ĐỘNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI

1. Khi có thay đổi về thông tin đã đăng ký tại Phần A Bản giới thiệu về nhượng quyền thương mại tại Phụ lục III ban hành kèm theo Thông tư này và thông tin tại khoản 3 Điều 19 của Nghị định số 35/2006/NĐ-CP, trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày có thay đổi, thương nhân phải thông báo cho cơ quan đăng ký nơi mình đã đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại về những thay đổi đó theo mẫu TB-5 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này và gửi kèm tài liệu liên quan về những thay đổi đó.

2. Cơ quan đăng ký bổ sung tài liệu vào hồ sơ đã đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại của thương nhân.

### IV. XÓA ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI<sup>13</sup>

Đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại của thương nhân bị xoá trong những trường hợp quy định tại Điều 22 của Nghị định số 35/2006/NĐ-CP. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày xoá đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại của thương nhân, Bộ Công Thương có trách nhiệm công bố công khai việc xoá đăng ký theo mẫu TB-6A Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này trên trang thông tin điện tử (website) của Bộ Công Thương.

### V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN<sup>14</sup>

<sup>11</sup> Mục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>12</sup> Mục này được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>13</sup> Phần này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>14</sup> Điều 12 Thông tư số 04/2016/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương về thủ tục hành chính trong lĩnh vực thương mại điện tử, hóa chất, sản xuất kinh doanh rượu, nhượng quyền thương mại, hoạt động mua bán hàng hóa qua Sở giao dịch hàng hóa, năng lượng, an toàn thực phẩm và điện lực, có hiệu lực kể từ ngày 20 tháng 7 năm 2016 quy định như sau:

**“Điều 12. Hiệu lực thi hành**

*Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 20 tháng 7 năm 2016. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, tổ chức, cá nhân gửi ý kiến về Bộ Công Thương để xem xét, hướng dẫn giải quyết./.”*

Điều 3 Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước

1. Vụ Kế hoạch - Tài chính<sup>15</sup>, Bộ Công Thương<sup>16</sup> có trách nhiệm thực hiện việc đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại thuộc thẩm quyền của Bộ Công Thương<sup>17</sup> theo hướng dẫn tại Thông tư này.

2.<sup>18</sup> Sở Công Thương căn cứ quy định pháp luật, tổ chức thực hiện việc tiếp nhận báo cáo và quản lý hoạt động nhượng quyền thương mại của thương nhân trên địa bàn, theo thẩm quyền.

3. Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số<sup>19</sup>, Bộ Công Thương<sup>20</sup> có trách nhiệm xây dựng trang thông tin điện tử (website), phần mềm quản lý thông tin về tình hình đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại, hệ thống đăng ký trực tuyến hoạt động nhượng quyền thương mại để tiếp nhận hồ sơ đăng ký qua mạng, đồng thời hướng dẫn việc thực hiện cho Sở Công Thương và thương nhân.

4. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày kể từ ngày đăng Công báo. Trong quá trình tổ chức thực hiện nếu có khó khăn, vướng mắc đề nghị các tổ chức, cá

---

ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024 quy định như sau:

**“Điều 3. Điều khoản thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

2. Trường hợp các văn bản quy phạm pháp luật được dẫn chiếu áp dụng tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc, đề nghị các cơ quan, tổ chức, cá nhân liên quan kịp thời phản ánh về Bộ Công Thương (qua Vụ Kế hoạch - Tài chính) để kịp thời xem xét, giải quyết.

4. Vụ Kế hoạch - Tài chính, Văn phòng Bộ, Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.”

<sup>15</sup> Cụm từ “Vụ Kế hoạch và Đầu tư” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Kế hoạch – Tài chính” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>16</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>17</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>18</sup> Mục này được sửa đổi, bổ sung theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>19</sup> Cụm từ “Vụ Thương mại điện tử” được thay thế bởi cụm từ “Cục Thương mại điện tử và Kinh tế số” theo quy định tại điểm a3 khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>20</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

nhân liên quan phản ánh kịp thời về Bộ Công Thương<sup>21</sup> để nghiên cứu, sửa đổi, bổ sung.

**BỘ CÔNG THƯƠNG****XÁC THỰC VĂN BẢN HỢP NHẤT**

Hà Nội, ngày 21 tháng 6 năm 2024

Số: 14 /VBHN-BCT

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**

**Nơi nhận:**

- Văn phòng Chính phủ (để đăng Công báo);
- Bộ Tư pháp (để theo dõi);
- Văn phòng Bộ (để đăng website BCT);
- Vụ Pháp chế (để đăng CSDLQG về VBPL);
- Lưu: VT, KHTC.



**Phan Thị Thắng**

<sup>21</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.



## PHỤ LỤC I<sup>22</sup> (được bãi bỏ)

---

<sup>22</sup> Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư số 09/2006/TT-BTM được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

**PHỤ LỤC II**  
**CÁC MẪU GIẤY DÙNG TRONG**  
**VIỆC ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09 /2006/TT-BTM ngày 25 tháng 5 năm 2006  
của Bộ thương mại)

**Mẫu MĐ-1**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày.... tháng.... năm.....

**ĐƠN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: Bộ Công Thương<sup>23</sup>

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có): .....

[Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư]<sup>[1]</sup> số: .....

Do:..... Cấp ngày:...../...../ .....

Quốc tịch của thương nhân: .....

Vốn điều lệ: .....

Ngành, nghề kinh doanh: Lĩnh vực dự kiến nhượng quyền: .....

Hình thức nhượng quyền<sup>[2]</sup>: .....

Địa chỉ của trụ sở chính: .....

Điện thoại:..... Fax: .....

Email (nếu có): .....

Đề nghị đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại từ nước ngoài vào Việt Nam]<sup>[3]</sup>

[Địa điểm nhượng quyền:.....]<sup>[4]</sup>

---

<sup>23</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

**Thương nhân xin cam kết:** Chịu trách nhiệm hoàn toàn trước pháp luật về sự trung thực và chính xác của nội dung Đơn này và hồ sơ kèm theo.

***Kèm theo đơn:***

- .....

- .....

**Đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
(Ký tên và đóng dấu)

## Mẫu MĐ2<sup>24</sup> (được bãi bỏ)

---

<sup>24</sup> Mẫu MĐ-2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2006/TT-BTM được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

**Mẫu S1**

**SỔ ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI**

(Trang bìa)

**BỘ CÔNG THƯƠNG<sup>25</sup>**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**SỔ ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG  
NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI<sup>1</sup>**

(QUYỀN SỐ ....)

**NĂM ....**

<sup>25</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>1</sup> Sử dụng Mẫu Sổ khổ A4, bìa cứng.

(Trang tiếp theo)

## I. ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có):.....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có):.....

[Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đầu tư]<sup>1</sup>

số:.....Do:.....Cấp ngày:...../...../.....

Quốc tịch của thương nhân:.....

Vốn điều lệ:.....

Ngành, nghề kinh doanh:.....

Lĩnh vực nhượng quyền:.....

Hình thức nhượng quyền<sup>2</sup>:.....

Địa chỉ của trụ sở chính:.....

Điện thoại:.....Fax:.....

Email (nếu có):.....

Mã số đăng ký:.....

[Địa điểm nhượng quyền thương mại:.....]<sup>3</sup>

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm ...

**VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH<sup>26</sup>**

(Ký tên)

### Ghi chú:

[Xóa đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại của [tên thương nhân], mã số đăng ký..... với lý do.....]<sup>4</sup>

Hà Nội, ngày.....tháng.....năm ...

**VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH - TÀI CHÍNH<sup>27</sup>**

(Ký tên)

<sup>1</sup> Lựa chọn ghi nội dung phù hợp

<sup>2</sup> Ghi “nhượng quyền ban đầu” hay “Nhượng quyền thứ cấp”

<sup>3</sup> Ghi tên nước, vùng lãnh thổ nhượng quyền trong trường hợp nhượng quyền từ Việt Nam ra nước ngoài.

<sup>26</sup> Cụm từ “Vụ Kế hoạch và Đầu tư” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Kế hoạch – Tài chính” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>4</sup> Ghi xóa đăng ký trong các trường hợp tại Mục IV của Thông tư này.

<sup>27</sup> Cụm từ “Vụ Kế hoạch và Đầu tư” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Kế hoạch – Tài chính” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

(Trang tiếp theo)

## II. THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ

STT	NỘI DUNG THAY ĐỔI <sup>1</sup>	NGÀY THÔNG BÁO <sup>2</sup>
1		
2		
3		
...		

---

<sup>1</sup> Ghi thông tin mà thương nhân thay đổi.

<sup>2</sup> Ghi ngày nhận được thông báo thay đổi thông tin của thương nhân.

## Mẫu S2<sup>28</sup> (được bãi bỏ)

---

<sup>28</sup> Mẫu S2 quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2006/TT-BTM được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.



**Mẫu TB-1A**

**BỘ CÔNG THƯƠNG<sup>29</sup>**  
Số: .....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
*Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....*

**GIẤY BIÊN NHẬN**

*(Liên 1: Giao cho thương nhân  
Liên 2: Lưu tại đơn vị tiếp nhận hồ sơ  
Liên 3: Lưu tại đơn vị xử lý hồ sơ)*

Bộ Công Thương<sup>30</sup> đã nhận của: [Tên thương nhân đăng ký] .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....

hồ sơ đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại, bao gồm:

.....  
.....  
.....

Ngày thông báo kết quả: ...../...../.....

**NGƯỜI NỘP HỒ SƠ**  
(Ký, ghi rõ họ tên)

**NGƯỜI TIẾP NHẬN HỒ SƠ**  
(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu treo)

---

<sup>29</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>30</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

## **Mẫu TB-1B<sup>31</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>31</sup> Mẫu TB-1B quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2006/TT-BTM được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

**Mẫu TB-2A**  
**BỘ CÔNG THƯƠNG<sup>32</sup> CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Số: ..... Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
*Hà Nội, ngày.....tháng.....năm.....*

**THÔNG BÁO**  
**YÊU CẦU BỔ SUNG HỒ SƠ ĐĂNG KÝ**  
**HOẠT ĐỘNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: .....

Sau khi xem xét hồ sơ đã nhận ngày..... tháng..... năm.....của [tên thương nhân đăng ký] về việc đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại, Bộ Công Thương<sup>33</sup> đề nghị bổ sung trong hồ sơ những tài liệu sau đây:

.....  
.....  
.....  
.....

với lý do .....

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH<sup>34</sup>**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Nơi nhận:**

- .....;
- .....;
- Lưu: VT, ...

---

<sup>32</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>33</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>34</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

## Mẫu TB-2B<sup>35</sup> (được bãi bỏ)

---

<sup>35</sup> Mẫu TB-2B quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2006/TT-BTM được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

**Mẫu TB-3A**

**BỘ CÔNG THƯƠNG<sup>36</sup>**  
Số:.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
*Hà nội, ngày..... tháng..... năm.....*

**THÔNG BÁO**  
**CHẤP THUẬN ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG**  
**NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

Sau khi xem xét hồ sơ đã nhận ngày..... tháng..... năm..... của [tên thương nhân đăng ký] về việc đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại. Bộ Công Thương<sup>37</sup> thông báo:

Đã đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại của [tên thương nhân đăng ký] vào Sổ đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại với mã số đăng ký là:

.....  
.....

**Nơi nhận:**

- .....;
- .....;
- Lưu VT, ...

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH<sup>38</sup>**  
(Ký tên và đóng dấu)

---

<sup>36</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>37</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>38</sup> Cụm từ “Vụ Kế hoạch và Đầu tư” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Kế hoạch – Tài chính” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

## Mẫu TB-3B<sup>39</sup> (được bãi bỏ)

---

<sup>39</sup> Mẫu TB-3B quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2006/TT-BTM được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

Mẫu TB-4A

**BỘ CÔNG THƯƠNG<sup>40</sup> CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
Số:..... **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Hà nội, ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO**  
**TỪ CHỐI ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG**  
**NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi:.....

Sau khi xem xét hồ sơ đã nhận ngày..... tháng..... năm..... của [tên thương nhân đăng ký] về việc đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại. Bộ Công Thương<sup>41</sup> thông báo:

Từ chối đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại của [tên thương nhân đăng ký] với lý do.....

.....  
.....  
.....  
.....

Nơi nhận:

-.....;

-.....;

- Lưu VT, ...

**TL. BỘ TRƯỞNG**  
**VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH<sup>42</sup>**  
(Ký tên và đóng dấu)

<sup>40</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a 1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>41</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a 1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>42</sup> Cụm từ “Vụ Kế hoạch và Đầu tư” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Kế hoạch – Tài chính” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

## Mẫu TB-4B<sup>43</sup> (được bãi bỏ)

---

<sup>43</sup> Mẫu TB-4B quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2006/TT-BTM được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.



**Mẫu TB-5**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

....., ngày.... tháng.... năm.....

**THÔNG BÁO  
THAY ĐỔI THÔNG TIN ĐĂNG KÝ  
HOẠT ĐỘNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI**

Kính gửi: .....

Tên thương nhân: (ghi bằng chữ in hoa).....

Tên thương nhân viết bằng tiếng nước ngoài (nếu có): .....

Tên thương nhân viết tắt (nếu có): .....

Mã số đăng ký: .....

Xin thông báo thay đổi thông tin đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại như sau: .....

.....

***Kèm theo thông báo<sup>1</sup>:***

- .....
- .....
- .....

**Đại diện theo pháp luật của thương nhân**  
(Ký tên và đóng dấu)

---

<sup>1</sup> Những tài liệu liên quan tới thay đổi

Mẫu TB-6A

**BỘ CÔNG THƯƠNG<sup>44</sup>**  
Số:.....

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT  
NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----  
Hà nội, ngày..... tháng..... năm.....

**THÔNG BÁO  
XOÁ ĐĂNG KÝ HOẠT ĐỘNG  
NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI**

Bộ Công Thương<sup>45</sup> thông báo đã xoá đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại của: [Tên thương nhân đăng ký]

Mã số đăng ký: .....

Địa chỉ trụ sở chính: .....

Điện thoại: .....

với lý do.....

.....

.....

.....

**Nơi nhận:**

- Thương nhân bị xoá đăng ký<sup>1</sup>

-.....;

-.....;

- Lưu VT, ...

**TL. BỘ TRƯỞNG  
VỤ TRƯỞNG VỤ KẾ HOẠCH – TÀI CHÍNH<sup>46</sup>**  
(Ký tên và đóng dấu)

<sup>44</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>45</sup> Cụm từ “Bộ Thương mại” được thay thế bởi cụm từ “Bộ Công Thương” theo quy định tại điểm a1 khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

<sup>1</sup> Gửi cho thường nhân trong trường hợp thương nhân ngừng hoặc chuyển đổi ngành nghề kinh doanh.

<sup>46</sup> Cụm từ “Vụ Kế hoạch và Đầu tư” được thay thế bởi cụm từ “Vụ Kế hoạch – Tài chính” theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 1 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

## Mẫu TB-6B<sup>47</sup> (được bãi bỏ)

---

<sup>47</sup> Mẫu TB-6B quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2006/TT-BTM được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

## **Mẫu TB-6C<sup>48</sup> (được bãi bỏ)**

---

<sup>48</sup> Mẫu TB-6C quy định tại Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư số 09/2006/TT-BTM được bãi bỏ theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 2 của Thông tư số 03/2024/TT-BCT sửa đổi, bổ sung một số điều của các Thông tư của Bộ trưởng Bộ Công Thương trong lĩnh vực nhượng quyền thương mại, văn phòng đại diện và chi nhánh của thương nhân nước ngoài, hoạt động mua bán hàng hóa và các hoạt động liên quan trực tiếp đến mua bán hàng hóa của nhà cung cấp dịch vụ nước ngoài, có hiệu lực kể từ ngày 18 tháng 3 năm 2024.

**PHỤ LỤC III**  
**BẢN GIỚI THIỆU VỀ NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 09 /2006/TT-BTM  
ngày 25 tháng 5 năm 2006 của Bộ Thương mại)

Bản giới thiệu về nhượng quyền thương mại này bao gồm một số thông tin cần thiết để bên dự kiến nhận quyền thương mại nghiên cứu kỹ lưỡng trước khi ký hợp đồng nhượng quyền thương mại. Bên dự kiến nhận quyền cần lưu ý:

\* Nếu các bên không có thoả thuận khác, Bên dự kiến nhận quyền có ít nhất 15 ngày để nghiên cứu tài liệu này và các thông tin liên quan khác trước khi ký hợp đồng nhượng quyền thương mại.

\* Nghiên cứu kỹ Luật Thương mại, Nghị định số 35/2006/NĐ-CP và tài liệu này; thảo luận với những người nhận quyền khác đã hoặc đang kinh doanh theo phương thức nhượng quyền thương mại; tự đánh giá nguồn tài chính và khả năng của mình trong việc đáp ứng những yêu cầu đặt ra trong phương thức kinh doanh này.

\* Bên dự kiến nhận quyền nên tìm kiếm những tư vấn độc lập về mặt pháp lý, kế toán và kinh doanh trước khi ký hợp đồng nhượng quyền thương mại.

\* Bên dự kiến nhận quyền nên tham gia các khóa đào tạo, đặc biệt nếu trước đó bên dự kiến nhận quyền chưa có kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh.

**PHẦN A<sup>1</sup>**

**I. THÔNG TIN CHUNG VỀ BÊN NHƯỢNG QUYỀN**

1. Tên thương mại của bên nhượng quyền.
2. Địa chỉ trụ sở chính của bên nhượng quyền.
3. Điện thoại, fax (nếu có).
4. Ngày thành lập của bên nhượng quyền.
5. Thông tin về việc bên nhượng quyền là bên nhượng quyền ban đầu hay bên nhượng quyền thứ cấp.
6. Loại hình kinh doanh của bên nhượng quyền.
7. Lĩnh vực nhượng quyền.
8. Thông tin về việc đăng ký hoạt động nhượng quyền thương mại tại cơ quan có thẩm quyền<sup>2</sup>.

**II. NHÃN HIỆU HÀNG HÓA/DỊCH VỤ VÀ QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ**

---

<sup>1</sup> Thương nhân phải thông báo với cơ quan đăng ký khi thay đổi nội dung thông tin trong Phần này theo hướng dẫn tại Mục III của Thông tư này.

<sup>2</sup> Thương nhân bổ sung thông tin này sau khi hoàn thành thủ tục đăng ký tại cơ quan đăng ký có thẩm quyền.

1. Quyền sử dụng nhãn hiệu hàng hóa/dịch vụ và bất cứ đối tượng sở hữu trí tuệ nào của bên nhận quyền.

2. Chi tiết về nhãn hiệu hàng hóa/dịch vụ và quyền đối với đối tượng sở hữu trí tuệ được đăng ký theo pháp luật.

## **PHẦN B<sup>1</sup>**

### **I. THÔNG TIN VỀ BÊN NHƯỢNG QUYỀN**

1. Sơ đồ tổ chức bộ máy.

2. Tên, nhiệm vụ và kinh nghiệm công tác của các thành viên ban giám đốc của bên nhượng quyền.

3. Thông tin về bộ phận phụ trách lĩnh vực nhượng quyền thương mại của bên nhượng quyền.

4. Kinh nghiệm của bên nhượng quyền trong lĩnh vực kinh doanh nhượng quyền

5. Thông tin về việc kiện tụng liên quan tới hoạt động nhượng quyền thương mại của bên nhượng quyền trong vòng một (01) năm gần đây.

### **II. CHI PHÍ BAN ĐẦU MÀ BÊN NHẬN QUYỀN PHẢI TRẢ**

1. Loại và mức phí ban đầu mà bên nhận quyền phải trả.

2. Thời điểm trả phí.

3. Trường hợp nào phí được hoàn trả.

### **III. CÁC NGHĨA VỤ TÀI CHÍNH KHÁC CỦA BÊN NHẬN QUYỀN**

Đối với mỗi một loại phí dưới đây, nói rõ mức phí được ấn định, thời điểm trả phí và trường hợp nào phí được hoàn trả:

1. Phí thu định kỳ.

2. Phí quảng cáo.

3. Phí đào tạo.

4. Phí dịch vụ.

5. Thanh toán tiền thuê.

6. Các loại phí khác.

### **IV. ĐẦU TƯ BAN ĐẦU CỦA BÊN NHẬN QUYỀN**

Đầu tư ban đầu bao gồm các thông tin chính sau đây:

1. Địa điểm kinh doanh.

2. Trang thiết bị.

---

<sup>1</sup> Thương nhân định kỳ thông báo những nội dung trong Phần này cho cơ quan đăng ký có thẩm quyền chậm nhất là vào ngày 15/01 hàng năm.

3. Chi phí trang trí.
4. Hàng hoá ban đầu phải mua.
5. Chi phí an ninh.
6. Những chi phí trả trước khác.

#### V. NGHĨA VỤ CỦA BÊN NHẬN QUYỀN PHẢI MUA HOẶC THUÊ NHỮNG THIẾT BỊ ĐỂ PHÙ HỢP VỚI HỆ THỐNG KINH DOANH DO BÊN NHƯỢNG QUYỀN QUY ĐỊNH

1. Bên nhận quyền có phải mua những vật dụng hay mua, thuê những thiết bị, sử dụng những dịch vụ nhất định nào để phù hợp với hệ thống kinh doanh do bên nhượng quyền quy định hay không.
2. Liệu có thể chỉnh sửa những quy định của hệ thống kinh doanh nhượng quyền thương mại không.
3. Nếu được phép chỉnh sửa hệ thống kinh doanh nhượng quyền thương mại, nói rõ cần những thủ tục gì.

#### VI. NGHĨA VỤ CỦA BÊN NHƯỢNG QUYỀN

1. Nghĩa vụ của bên nhượng quyền trước khi ký kết hợp đồng.
2. Nghĩa vụ của bên nhượng quyền trong suốt quá trình hoạt động.
3. Nghĩa vụ của bên nhượng quyền trong việc quyết định lựa chọn mặt bằng kinh doanh.
4. Đào tạo:
  - a. Đào tạo ban đầu.
  - b. Những khoá đào tạo bổ sung khác.

#### VII. MÔ TẢ THỊ TRƯỜNG CỦA HÀNG HÓA/DỊCH VỤ ĐƯỢC KINH DOANH THEO PHƯƠNG THỨC NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI

1. Bản mô tả về thị trường chung của hàng hóa/dịch vụ là đối tượng của hợp đồng nhượng quyền thương mại.
2. Bản mô tả về thị trường của hàng hóa/dịch vụ là đối tượng của hợp đồng nhượng quyền thương mại thuộc lãnh thổ được phép hoạt động của bên nhận quyền.
3. Triển vọng cho sự phát triển của thị trường nêu trên.

#### VIII. HỢP ĐỒNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI MẪU

1. Tên các điều khoản của hợp đồng.
2. Thời hạn của hợp đồng.
3. Điều kiện gia hạn hợp đồng.
4. Điều kiện để bên nhận quyền huỷ bỏ hợp đồng.
5. Điều kiện để bên nhượng quyền huỷ bỏ hợp đồng.

6. Nghĩa vụ của bên nhượng quyền/bên nhận quyền phát sinh từ việc huỷ bỏ hợp đồng.

7. Sửa đổi hợp đồng theo yêu cầu của bên nhượng quyền/bên nhận quyền.

8. Quy định về điều kiện chuyển giao hợp đồng nhượng quyền thương mại của bên nhận quyền cho thương nhân khác.

9. Trong trường hợp tử vong, tuyên bố không đủ điều kiện về bên nhượng quyền/bên nhận quyền.

#### IX. THÔNG TIN VỀ HỆ THỐNG NHƯỢNG QUYỀN THƯƠNG MẠI

1. Số lượng cơ sở kinh doanh của bên nhượng quyền đang hoạt động.

2. Số lượng cơ sở kinh doanh của bên nhượng quyền đã ngừng kinh doanh.

3. Số lượng các hợp đồng nhượng quyền đã ký với các bên nhận quyền.

4. Số lượng các hợp đồng nhượng quyền đã được bên nhận quyền chuyển giao cho bên thứ ba.

5. Số lượng các cơ sở kinh doanh của bên nhận quyền được chuyển giao cho bên nhượng quyền.

6. Số lượng các hợp đồng nhượng quyền bị chấm dứt bởi bên nhượng quyền.

7. Số lượng các hợp đồng nhượng quyền bị chấm dứt bởi bên nhận quyền.

8. Số lượng các hợp đồng nhượng quyền không được gia hạn/được gia hạn.

#### X. BÁO CÁO TÀI CHÍNH CỦA BÊN NHƯỢNG QUYỀN

Báo cáo tài chính đã được kiểm toán trong 01 năm gần nhất.

#### XI. PHẢN THƯỞNG, SỰ CÔNG NHẬN SẼ NHẬN ĐƯỢC HOẶC TỔ CHỨC CẦN PHẢI THAM GIA

Chúng tôi cam kết rằng hệ thống kinh doanh dự kiến để nhượng quyền đã hoạt động được ít nhất một (01) năm; mọi thông tin trong tài liệu này và bất cứ thông tin bổ sung nào và các phụ lục đính kèm đều chính xác và đúng sự thật. Chúng tôi hiểu rằng việc đưa ra bất cứ thông tin gian dối nào trong tài liệu này là sự vi phạm pháp luật.

**Đại diện bên nhượng quyền**

(Ký tên và đóng dấu)